



wán ǒu

玩偶

noun · doll, puppet

Example Sentences

Mèi mei bào zhe wán ǒu shuì zháo le

妹妹抱着玩偶睡着了。

My little sister fell asleep holding the doll.

Zhè ge wán ǒu shì yòng bù zuò de hěn róu ruǎn

这个玩偶是用布做的，很柔软。

This doll is made of cloth and is very soft.

Trace each character, then write the word on your own.

玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩
偶	偶	偶	偶	偶	偶	偶	偶	偶	偶	偶
偶	偶	偶								